

**Rx Thuốc bán theo đơn**

**Để xa tầm tay trẻ em**

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**  
**Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ**

# BANITASE

SDK: VD-22374-15

◆ **THÀNH PHẦN:** Mỗi viên nang mềm chứa:

**Hoạt chất:**

Trimebutine maleate .....	100 mg
Acid dehydrocholic .....	25 mg
Pancreatin .....	150 mg
Bromelain.....	50 mg
Simethicone.....	300 mg

**Tá dược:** Dầu lecithin, Paraffin lỏng, Paraffin rắn, Gelatin, Glycerin đậm đặc, Ethyl vanilin, Nước tinh khiết, Màu vàng số 5, Màu vàng số 203, Màu xanh số 1, Titan dioxide.

◆ **DẠNG BẢO CHẾ:** Viên nang mềm

◆ **DƯỢC LỰC HỌC**

Trimebutine là thuốc chống co thắt có tác động trên cơ, điều chỉnh sự vận động đường tiêu hóa, chất chủ vận enkephalinergic ở ngoại biên. Trimebutine có tác dụng điều hòa sự vận động đường tiêu hóa: có thể kích thích sự vận động dạ dày, ruột và cũng có thể ức chế sự vận động này nếu trước đó đã bị kích thích.

Acid dehydrocholic, acid mật, giúp giảm tạm thời chứng táo bón và kích thích đường mật.

Pancreatin chứa các enzyme amylase, protease và lipase. Các enzyme này có tác dụng giống dịch tụy và khi dùng cho những bệnh nhân bị suy tuyến tụy cải thiện khả năng chuyển hóa tinh bột, protein và chất béo.

Simethicone làm giảm sức căng bề mặt các bóng hơi trong niêm mạc ống tiêu hóa, làm xẹp các bóng khí này, giúp cho sự tổng hợp trong ống tiêu hóa, làm giảm sự sinh bụng.

Bromelain làm tăng hoạt tính phân hủy fibrin cũng như ức chế sự tổng hợp fibrinogen. Bromelain cũng trực tiếp phân hủy fibrin và fibrinogen. Bromelain làm nồng độ kininogen và bradykinin huyết thanh và mô thấp, và nó cũng ảnh hưởng đến sự tổng hợp prostaglandin, nên có tác dụng kháng viêm. Trong một nghiên cứu thấy bromelain làm giảm bài tiết các tiền chất gây viêm cytokines cũng như chemokines nên có thể có tác dụng trong bệnh viêm loét đại tràng và bệnh Crohn.

◆ **DƯỢC ĐỘNG HỌC**

Trimebutine được hấp thu tốt bằng đường uống, đạt nồng độ tối đa trong máu sau khi uống từ 1-2 giờ. Trimebutine được đào thải nhanh chủ yếu qua nước tiểu: trung bình 70% sau 24 giờ.

Acid dehydrocholic, pancreatin và simethicone không hấp thu qua đường tiêu hóa, chỉ được phân bố vào lumen ruột và đào thải dưới dạng không đổi qua phân.

Bromelain hấp thu hoàn toàn qua đường tiêu hóa, với hơn 40% chất có phân tử lượng cao được phát hiện trong máu sau khi uống. Nồng độ cao nhất của bromelain được tìm thấy trong máu 1 giờ sau khi uống; tuy nhiên, hoạt tính phân giải protein của nó nhanh chóng bị mất hoạt tính.

◆ **CHỈ ĐỊNH**

Khó tiêu ở dạ dày hoặc ruột, rối loạn bài tiết acid mật hoặc tụy, khó tiêu sau khi phẫu thuật dạ dày hoặc phẫu thuật cắt bỏ túi mật, hội chứng ruột kích thích, chứng táo bón có nhu động hoặc mất trương lực, không tiêu do loạn vận động đường tiêu hóa, tiêu chảy chức năng.

◆ **LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG**

Người lớn: 2 viên x 3 lần/ngày trước khi ăn.

◆ **CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

Bệnh nhân mẫn cảm với bất kì thành phần nào của thuốc.

◆ **THẬN TRỌNG**

Do bệnh nhân lớn tuổi thường bị giảm chức năng thận hơn, cho nên cần thận trọng trong việc lựa chọn liều dùng đối với nhóm bệnh nhân này.

◆ **TƯƠNG TÁC THUỐC**

Cisaprid: Tác dụng điều hòa nhu động ruột của thuốc kháng cholinergic có thể bị Cisaprid làm mất đi khi dùng chung hai thuốc này với nhau.

Procainamid: Dùng chung Procainamid với trimebutine có thể làm tăng tác dụng kháng thần kinh phế vị trên sự dẫn truyền thần kinh ở nút nhĩ-thất.

◆ **SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**

*Phụ nữ có thai*

Không có nghiên cứu đối chứng tốt và phù hợp trên phụ nữ mang thai. Do đó, chỉ nên sử dụng thuốc này khi chứng minh rõ lợi ích điều trị hơn nguy cơ tiềm tàng cho thai nhi.

*Phụ nữ cho con bú*

Độ an toàn của thuốc trong thời gian cho con bú chưa được thiết lập. Do đó, nên tránh dùng thuốc trong thời gian cho con bú. Tuy nhiên, nếu thực sự cần thiết, nên ngưng cho con bú.

◆ **ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC**

Chưa có báo cáo thuốc gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

◆ **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN**

Hệ tiêu hóa: hiếm khi xảy ra táo bón, tiêu chảy, buồn nôn, khó tiêu hoặc khô miệng.

Hệ tuần hoàn: hiếm khi xảy ra nhịp tim nhanh.

Hệ tâm- thần kinh: hiếm khi xảy ra mệt mỏi, cảm giác nóng lạnh, chóng mặt, khó chịu, nhức đầu và trạng thái thôi miên nhẹ.

Hệ gan: hiếm khi xảy ra tăng GOT, GPT.

Quá mẫn: hiếm khi xảy ra phát ban. Trong trường hợp triệu chứng này xảy ra, nên ngưng sử dụng thuốc.

*\* Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.*

◆ **QUÁ LIỀU:** Chưa có báo cáo các trường hợp quá liều.

◆ **BẢO QUẢN:** Bảo quản trong hộp kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.

◆ **HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

*\* Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.*

◆ **ĐÓNG GÓI:** Hộp 12 vỉ x 5 viên nang mềm

Hộp 20 vỉ x 5 viên nang mềm

*Sản xuất theo nhượng quyền của:*

**DAEWON PHARM. CO. LTD.**

**Tại CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA**

Số 25, Đường số 8, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương